

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/5/2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng và ông Võ Hoàng Nghiệp;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1993; cư trú: tổ 17, ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn T (Quói), sinh năm 1989; cư trú: tổ 17, ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà Tr vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 cùng với các T liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T hình thành do tự tìm hiểu nhau trước, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, đến thường xuyên gây cãi, không có tiếng nói chung, ngoài ra ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, từ đó bà và ông T ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên không ai đứng ra hàn gắn, tự ông bà giải quyết. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 01 (một) con chung tên Võ Minh Tú, sinh ngày 28/8/2011. Hiện nay cháu Tú đang sống với bà Tr, được bà Tr chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về T liệu chứng cứ: Các T liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các T liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm T liệu chứng cứ khác.

Theo biên bản xác minh ngày 11/4/2024 tại Văn phòng ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, huyện An Phú được Trưởng ấp Búng Lớn cung cấp thông tin như sau: Hiện ông Võ Văn T là chồng của Nguyễn Thị Thủy Tr là con rể ông Nguyễn Văn Vãn, từ trước giờ ông T chung sống cùng với gia đình bà Tr tại địa chỉ ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, tỉnh An Giang chưa chuyển đi nơi khác. Thời gian gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn nên ông T bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương.

Theo biên bản ghi nhận lời khai người thân của bà Tr và ông T thì giữa bà Tr và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, bà Tr vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải

thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân và con chung có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Đối với T sản chung, nợ chung ông T vắng mặt nếu sau này ông T có yêu cầu và chứng minh về T sản chung, nợ chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, đồng thời ông T cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Tr vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà Tr xin ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Tr và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân giữa ông bà đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, điều này phù hợp với các biên bản làm việc với người làm chứng, người cho ý kiến mà Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông T đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Tr và ông T có 01 (một) con chung tên Võ Minh Tú, sinh ngày 28/8/2011. Hiện nay cháu đang được bà Tr nuôi dạy. Xét thấy, cháu Tú từ trước nay cháu được bà Tr nuôi dạy, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tr tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Võ Minh Tú. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con. Tuy nhiên, bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà Tr biết: Bà Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

[4] Về T sản chung, nợ chung: : Bà Tr khai không có. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông T có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thuý Tr.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thuý Tr được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Bà Tr được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Võ Minh Tú, sinh ngày 28/8/2011.

Công nhận tự nguyện của bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Tr cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009320 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (Bà Tr đã nộp đủ).

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà Tr và ông T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Nhơn Hội, h. An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi